TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 3 -2023
V/v: "Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Kim Riêng
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào
Ông Tăng Tùng Chân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tiết Thị Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trụng tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà C và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện Trà C, vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc "*Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Ch, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần, có ông Trần Văn Tấn –Thẩm Phán sơ cấp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày: Bà và ông Thạch Ch do quen biết trước và qua tìm hiểu nên bà và ông Thạch Ch sống chúng với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc,

luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và thường xuyên cự cải nhau do ông Ch thường xuyên nhận nhẹt say sỉn về đánh đập, chửi bới bà rất thậm tệ và ông Ch đã đi Campuchia sống đến năm 2021 thì ông Ch trở về tiếp tục chung sống với bà, nhưng ông Ch không thay đổi tính tình vẫn tính nào tật đó, ngày nào ông Ch cũng uống rượu say sỉn kiếm chuyện chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập bà và đe dọa sẽ giết bà, nên mâu thuẫn ngày trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005, về tài sản chung và nợ chung không có. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xem xét giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Thạch Ch.

- Về con chung có 01 người con tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005, tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2023 của bị đơn ông Thạch Ch trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Trịnh Thị T về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay với yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị T thì ông cũng đồng ý không công nhận giữa ông với bà Trịnh Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Ông thống nhất có 01 người con tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005 và tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của cháu Trịnh Thị Ngọc H trình bày: Cha, mẹ của cháu tên ông Thạch Ch và bà Trịnh Thị T, trường hợp cha, mẹ ly hôn với nhau thì cháu không có ý kiến, nếu cha, mẹ ly hôn với nhau thì nguyện vọng của cháu được sống chung với mẹ là bà Trịnh Thị T, vì từ nhỏ cho đến nay cháu đều sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Thạch Ch.

- Về con chung có 01 người con tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005, tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà C tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Không có vi phạm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng bị đơn ông Thạch Ch trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Thạch Ch.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7, khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch; Về con chung có 01 người con tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005 giao cho bà Trịnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng (Đây cũng là ý chí nguyện vọng của cháu H được sống với mẹ) và ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị T không yêu cầu ông Thạch Ch cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn bà Trịnh Thị T phải chịu án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Trịnh Thị T và bị đơn ông Thạch Ch có nơi cư trú tại ấp M, xã L, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 7, khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Thạch Ch là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Thạch Ch.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ". Hiện nay, bà T và ông Ch xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cải vã với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, cũng từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà T và ông Ch đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ch không được pháp luật công nhận là hợp pháp nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch chung sống với nhau có 01 người con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005, ghi nhận sự tự nguyện của ông Thạch Ch đồng ý giao con chung tên Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005 cho bà Trịnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục (Đây cũng là ý chí nguyện vọng của cháu H được sống với mẹ) và ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị T không yêu cầu ông Thạch Ch cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy cháu Trịnh Thị Ngọc H có nguyện vọng muốn được ở chung với bà T, cháu H hiện nay đang sống chung với bà T ổn định từ nhỏ cho đến nay nên sự chăm sóc của người mẹ là rất cần thiết, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho bà Trịnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị T không yêu cầu ông Thạch Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của Trịnh Thị T không yêu cầu ông Thạch Ch cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7, khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 , khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị T.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị T và ông Thạch Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Ngọc H, sinh ngày 20/8/2005 cho bà Trịnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục (Đây cũng là ý chí nguyện vọng của cháu H được sống với mẹ) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị T không yêu cầu ông Thạch Ch cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0012702 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh nên bà Trịnh Thị T không phải nộp tiếp. Ông Thạch Ch không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Ông Thạch Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7 b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
-UBND xã;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Riêng